

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 6 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn

Bà Nguyễn Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh D, sinh năm 1996;

Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 8 ô 2/7, khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Tá L, sinh năm 1997;

Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Cụm 5 (nay là thôn D), xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh D trình bày: Chị và anh Bùi Tá L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 25/5/2018. Trước khi kết hôn chị và anh L có thời gian chung sống với nhau ở thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hai người đã có một con chung là cháu Bùi Quang H, sinh ngày 01/4/2018.

Sau khi kết hôn chị và anh L sống tại cụm 5 (nay là thôn D), xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hòa thuận. Tháng 3 năm 2019 anh L đi lao động xuất khẩu ở Hàn Quốc. Tháng 9 năm 2019 chị và cháu H về quê của chị ở thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống. Anh L đi lao động ở Hàn Quốc liên tục từ tháng 3 năm 2019 đến khoảng tháng 3 năm 2023 mới về nước. Trong thời gian anh L đi lao động ở Hàn Quốc vợ chồng không gặp nhau, ít nói chuyện với nhau, chỉ gọi điện hỏi thăm nhau khoảng một đến hai lần. Có vài lần anh L gửi tiền về cho chị nuôi con. Chị cảm thấy vợ chồng xa nhau đã lâu, hai bên không còn tình cảm, anh L nói với chị là vợ chồng nên ly hôn. Khi anh L về nước, anh chị và con có đi du lịch ở Đà Nẵng 05 ngày, nhưng sau đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi người sống ở một nơi, anh L sống ở cụm 5 (thôn D), xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội, còn chị sống ở thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vợ chồng ly thân đã lâu. Chị xác định không còn tình cảm với anh L nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung là cháu Bùi Quang H, sinh ngày 01/4/2018. Hiện nay cháu H đang học ở trường mầm non P, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Bùi Quang H. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, về nợ: Chị và anh L không có tài sản chung, không công sức và không có nợ chung.

- Bị đơn anh Bùi Tá L từ khi thụ lý vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Chị Nguyễn Thanh D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Bùi Tá L đã được Tòa án tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng trình tự, đúng qui định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định giữa chị Nguyễn Thanh D và anh Bùi Tá L tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thanh D được ly hôn anh Bùi Tá L. Căn cứ điều 81, 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Bùi Quang H, sinh ngày 01/4/2018 cho chị Nguyễn Thanh D nuôi. Chị D không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L. Về tài sản, công sức và nợ chị D xác định không có nên không giải quyết.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh D có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Bùi Tá L có địa chỉ cư trú tại cụm 5 (nay là thôn D), xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Bùi Tá L. Mặc dù anh L hiện đang sinh sống tại xã Thọ Lộc nhưng anh L cố tình vắng mặt không đến Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 220 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thanh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Tá L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Tá L theo trình tự, thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thanh D và anh Bùi Tá L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 25/5/2018 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, chị D và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 3 năm 2019 thì anh L đi lao động ở Hàn Quốc. Kể từ khi anh L đi lao động ở Hàn Quốc vợ chồng ít quan tâm đến nhau, tình cảm nhạt dần. Đến khi anh L về nước, vợ chồng mỗi người vẫn sống ở một nơi khác nhau, anh L sống ở cụm 5 (thôn Dum), xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, còn chị D và con sống ở thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D là do anh L đi lao động ở nước ngoài thời gian dài, vợ chồng ly thân đã lâu, khi về nước ít quan tâm đến nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng đối với anh L không còn nên xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng anh Bùi Tá L không có quan điểm, không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Điều đó thể hiện anh L không có thiện chí và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Nguyễn Thanh D và anh Bùi Tá L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại và mục đích quan hệ hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thanh D và anh Bùi Tá L có một con chung là cháu Bùi Quang H, sinh ngày 01/4/2018. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu H. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu H do chị D nuôi. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, cần giao con chung là cháu Bùi Quang H cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý. Chị Nguyễn Thanh D không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Bùi Tá L cho đến khi có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Bùi Tá L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Chị Nguyễn Thanh D xác định chị và anh Bùi Tá L không có tài sản, công sức và nợ chung. Quá trình giải quyết Tòa án không lấy được ý kiến của anh L nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, công sức và nợ chung của chị D và anh L.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thanh D và anh Bùi Tá L có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh D, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh D được ly hôn với anh Bùi Tá L.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thanh D và anh Bùi Tá L có một con chung là cháu Bùi Quang H, sinh ngày 01/4/2018. Giao cháu Bùi Quang H cho chị Nguyễn Thanh D nuôi cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Nguyễn Thanh D không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Bùi Tá L cho đến khi chị D có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Bùi Tá L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức với gia đình và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013116 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Anh Bùi Tá L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đát Đỏ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Dung